

Bản án số: 58/2024/HS-ST

Ngày 28 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Kiều, bà Đàm Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 04 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thanh T (CCCD số 031091003681) - Sinh ngày 13/11/1991, tại: Hải Phòng. Nơi đăng ký thường trú: Tổ I, Đường E, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng. Nơi ở trước khi bị bắt: ngõ F, đường C, phường H, quận H, Thành phố Hải Phòng. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Giới tính: Nam. Trình độ học vấn: lớp 9/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Đ. Có vợ: Vũ Thị Thu Q, có 02 con. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 16/7/2013, bị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt 04 năm tù, về tội "Cố ý gây thương tích". Chấp hành xong hình phạt tù năm 2017. Bị bắt ngày 17/12/2023, hiện tạm giam, có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn N (CCCD số 031088001475) - Sinh ngày 06/7/1988, tại: Hải Phòng. Nơi cư trú: Số H T, phường H, quận H, Thành phố Hải Phòng; nơi ở trước khi bị bắt: số nhà A đường Đ, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: lớp 9/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Giới tính: Nam. Con ông Nguyễn Văn

H và bà Trịnh Thị M. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 13/01/2017, bị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, xử phạt 42 tháng tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù năm 2019. Bị bắt ngày 17/12/2023, hiện tạm giam, có mặt.

3. Họ và tên: Hoàng Mạnh C (CMND số 031911584) - Sinh ngày 25/12/1997, tại: Hải Phòng. Nơi đăng ký thường trú: Số B N, phường H, quận H, Thành phố Hải Phòng. Nơi ở: Tổ A C, phường H, quận H, Thành phố Hải Phòng. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn lớp 7/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Giới tính: Nam. Con ông Hoàng Văn T1 và bà Nguyễn Thị Quỳnh H1. Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt ngày 17/12/2023, hiện tạm giam, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Kim C1; sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ A, khu F, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

2. Chị Ngô Thị Quỳnh T2; sinh năm 1981; trú tại: Tổ C, khu I phường Q, U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Thu N1; sinh năm 1977; trú tại: Tổ A, khu E, phường Q, U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thu H2; sinh năm 1984; trú tại: Tổ A, khu N, phường N, U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

5. Chị Trần Thị Thanh H3; sinh năm 1991; trú tại: Tổ A A, khu E, phường Q, U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Văn N2; sinh năm 1983; trú tại: Tổ A, khu A, phường T, TP ., tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

7. Chị Hoàng Thị Á; sinh năm 1973; trú tại: Tổ B, khu G, phường Q, TP ., tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

8. Chị Nguyễn Thị L; sinh năm 1983; trú tại: Tổ A, khu B, phường Y, TP ., tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

9. Chị Phạm Thị T3; sinh năm 1984; trú tại: Tổ A, khu A, phường B, TP ., tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

10. Anh Nguyễn Văn H4; sinh năm 1964; trú tại: Tổ I, khu N, phường N, TP ., tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

11. Anh Vũ Mạnh C2; sinh năm 1997; trú tại: Tổ B, khu P, phường Y, TP ., tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

12. Anh Lê Mạnh L1; sinh năm 1983; trú tại: Tổ C, khu N, phường N, TP U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

13. Anh Hoàng Minh Q1; sinh năm 1984; trú tại: Tổ E, khu C, phường N, TP U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

14. Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 2001; trú tại: Thôn A, xã T, huyện T, Thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng năm 2019, Nguyễn Thanh T, thuê nhà của anh Vũ Huy T4 tại địa chỉ số A Đ, tổ D, khu A, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, để làm cơ sở thực hiện việc cho vay lãi nặng (không có giấy phép kinh doanh) đồng thời làm nơi ăn, ở sinh hoạt tại đó. Quá trình cho vay, T thuê Nguyễn Văn N từ cuối năm 2021 và Hoàng Mạnh C từ ngày 15/3/2023, phụ giúp cho T trong việc cho vay lãi nặng. T trả lương hàng tháng cho N 9.000.000đồng và C 8.000.000đồng.

Về hình thức cho vay: T cho vay tiền theo hình thức vay “bát họ”. Người vay, vay số tiền nhất định, dao động từ 3.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng rồi thực hiện việc trả góp gồm lãi và gốc hàng ngày, mỗi khoản vay kéo dài từ 30 ngày đến 50 ngày. Lãi suất của các khoản vay từ 5000đ/01 triệu/01 ngày đến 6.667đ/01 triệu/01 ngày (Tương đương 182,5%/năm đến 243,3%/năm). Những người đến vay phải để lại Căn cước công dân bản gốc hoặc bản photo, giấy phép lái xe hoặc giấy tờ tùy thân khác, còn đối với một số người vay mà T quen biết, không cần để lại giấy tờ gì. Khi vay, người vay phải ký, viết giấy vay nợ theo mẫu do nhóm T chuẩn bị sẵn. Trường hợp người vay chậm trả tiền góp hàng ngày hoặc cần tiền gấp, nhóm của T thường thỏa thuận với người vay đáo hạn khoản vay bằng cách vay khoản mới với số tiền vay, phương thức vay tương tự khoản cũ, trừ số tiền lãi và dư nợ của khoản vay cũ vào số tiền người vay thực nhận của khoản mới. Nguyễn Thanh T sử dụng tài khoản ngân hàng số 1012896124 mở tại ngân hàng V1 đứng tên T để nhận tiền chuyển khoản từ người vay, ngoài ra một số khách vay đóng tiền mặt trực tiếp.

Hàng ngày, khi có khách vay tiền thì T là người trực tiếp đứng ra thỏa thuận, quyết định về mức tiền vay, lãi suất với khách vay. Nếu không có T ở quán hoặc khách vay không liên lạc với T, thì Nhất là người đứng ra trực tiếp giao dịch với khách vay và thông báo cho T quyết định về số tiền vay, mức lãi suất. Được T đồng ý, thì N mới lấy tiền đưa cho khách vay. Tất cả các trường hợp vay tiền (kể cả T trực tiếp giao dịch) đều được lập danh sách để quản lý, theo dõi, gọi điện giục khách trả gốc và lãi hàng ngày hoặc chậm trả. T tổng hợp, lập danh sách khách vay, danh sách khách vay trả tiền chậm hoặc không trả tiền rồi gửi danh sách cùng số điện thoại của những người cần nhắc trả tiền cho N. Sau đó, căn cứ danh sách T gửi, N và C thay nhau sử dụng 02 (hai) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia lắp sim số 0834.586.479 và 0986.865.128, do T trang bị, để liên lạc gọi điện, nhắn tin cho

những khách vay, giục, đôn đốc những khách vay chậm trả tiền. Đối với những khách vay trả tiền mặt trực tiếp, N và C thay nhau đi gặp khách thu tiền rồi đưa lại cho T. Khi khách đến vay tiền sẽ liên lạc hoặc đến gặp trực tiếp T hoặc Nhất để đặt vấn đề và thống nhất số tiền vay, lãi suất vay, số ngày vay. Ngoài ra, T còn để lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0833626666 tại nhà thuê, có thông báo việc biến động số dư của tài khoản 1012896124 để N và C theo dõi những ai đã chuyển khoản, đồng thời N cũng dùng điện thoại này tổng hợp các khoản thu được trong ngày để gửi cho T quản lý.

Quá trình điều tra, xác định nhóm Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn N và Hoàng Mạnh C đã thực hiện cho 13 (mười ba) người vay nặng lãi với số lần vay, số tiền vay và thu lãi như sau:

1. Chị Nguyễn Thị Kim C1 (Sinh năm 1984, Tổ A, khu F, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh) đã nhiều lần vay tiền, mỗi lần vay 10.000.000 đồng, thời hạn 40 ngày, tổng tiền lãi 01 lần vay đáo hạn là 2.000.000đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng cả gốc và lãi, tiền lãi 5000đ/01 triệu/01 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/năm). Tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/8/2023, chị C1 đã vay 08 lần, tổng số tiền lãi đã trả là 16.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 1.753.425 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 14.246.575 đồng.

2. Chị Ngô Thị Quỳnh T2 (Sinh năm 1981, trú tại: Tổ C, khu I phường Q, U, Quảng Ninh), đã nhiều lần vay tiền, mỗi lần vay 20.000.000 đồng, thời hạn 40 ngày, tổng tiền lãi 01 lần vay đáo hạn là 4.000.000đồng, mỗi ngày trả 600.000 đồng cả gốc và lãi, tiền lãi 5000đ/01 triệu/01 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/năm). Tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 12/12/2023, chị T2 đã vay 12 lần. Tổng số tiền lãi đã trả là 45.200.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 4.953.425 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 40.246.575 đồng.

3. Khoảng đầu tháng 01/2023 và đầu tháng 6/2023, chị Nguyễn Thị Thu N1 (Sinh năm 1977, trú tại: Tổ A, khu E, phường Q, U, Quảng Ninh) đã 02 lần vay tiền, tổng số tiền là 60.000.000 đồng (12 lần vay 50.000.000đồng và 07 lần vay 10.000.000đồng), tổng tiền lãi 01 lần vay đáo hạn tối đa là 12.000.000đồng. Mỗi ngày trả 1.800.000 đồng cả gốc và lãi, tiền lãi 5000đ/01 triệu/01 ngày (tương đương lãi suất là 182,5%/ năm). Trong đó đáo hạn 11 lần đối với khoản vay 50.000.000 đồng và 06 lần đối với khoản vay 10.000.000 đồng. Số tiền lãi đã trả 129.500.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 14.191872 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 115.308.218 đồng.

4. Từ khoảng đầu 6/2023 đến ngày 16/12/2023, chị Nguyễn Thu H2 (Sinh năm 1984, trú tại: Tổ A, khu N, phường N, U, Quảng Ninh) đã 06 lần vay tiền (04 lần vay 8.000.000 đồng, 02 lần vay 10.000.000 đồng), lãi suất 5000đ/01 triệu/01 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/ năm). Tiền lãi đối với số tiền vay 8.000.000 đồng phải 01 kỳ là 1.600.000đồng, đối với số tiền vay 10.000.000 đồng 2.000.000đồng.

Tổng tiền lãi đã trả là 8.900.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 975.343 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 7.924.657 đồng.

5. Từ khoảng tháng 9/2023 đến ngày 17/12/2023, chị Trần Thị Thanh H3 (Sinh năm 1991, trú tại: Tổ A, khu E, phường Q, U, Quảng Ninh) vay 03 khoản tiền, tổng số 04 lần vay với tổng số tiền là 13.000.000 đồng, thời hạn mỗi lần vay là 30 ngày, trả lãi 6.667 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương lãi suất 243,3%/ năm). Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 246.585 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.753.415 đồng.

6. Khoảng tháng 5/2023, anh Nguyễn Văn N2 (Sinh năm 1983, trú tại: Tổ A, khu A, phường T, TP .) vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng, trả lãi 6.667đ/01 triệu/01 ngày (tương đương lãi suất 243,3%/ năm). Đến đầu tháng 6/2023, trả xong cả gốc và lãi. Số tiền lãi đã trả là 1.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 82.198 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 917.808 đồng.

7. Khoảng từ đầu tháng 01/2023, chị Hoàng Thị Á (Sinh năm 1973, trú tại: Tổ B, khu G, phường Q, TP .) vay 10.000.000 đồng, thời hạn 40 ngày, tổng tiền lãi 01 lần vay đáo hạn là 2.000.000 đồng, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 300.000 đồng, trả lãi 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/năm). Trong thời gian vay đã đáo hạn 11 lần, đóng tiền gốc và lãi đến 30/11/2023 thì dừng. Tổng số tiền lãi đã trả là 22.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 2.410.959 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 19.589.041 đồng.

8. Từ khoảng tháng 02/2022 đến tháng 12/2023, chị Nguyễn Thị L (Sinh năm 1983, trú tại: Tổ A, khu B, phường Y, TP .) đã 08 lần vay tiền của nhóm T. Trong đó, tính đến tháng 9/2022 vay 04 lần, mỗi lần vay số tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Trong năm 2023, có 04 lần vào đầu các tháng 2, 4, 6, 11 đều với số tiền 7.000.000 đồng, thời hạn 40 ngày, tổng tiền lãi 01 lần vay đáo hạn là 1.400.000 đồng, mỗi ngày trả 210.000 đồng cả gốc và lãi, trả lãi 5.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày (tương đương 182,5%/năm). Đã trả hết gốc lãi của các khoản vay tháng 2, 4, 6, khoản vay tháng 11 đã trả được 34 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 5.390.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 590.685 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 4.799.315 đồng.

9. Từ khoảng tháng 12/2022, đầu tháng 01/2023 đến tháng 12/2023, chị Phạm Thị T3 (Sinh năm 1984, trú tại: Tổ A, khu A, phường B, TP .) vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn 40 ngày, tổng tiền lãi 01 lần vay đáo hạn là 2.000.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng cả gốc và lãi, trả lãi 5000đ/01 triệu/01 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/ năm). Quá trình vay đã đáo hạn được 10 lần. Lần đáo hạn cuối vào ngày 11/11/2023, tiếp tục trả tiền gốc và lãi đến ngày 15/12/2022 được 35 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 21.750.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 2.383.562 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 19.366.438 đồng.

10. Từ khoảng tháng 12/2022, anh Nguyễn Văn H4 (Sinh năm 1964, trú tại: Tổ I, khu N, phường N, TP .) vay số tiền 10.000.000 đồng thời hạn 40 ngày, tổng tiền lãi 01 lần vay đáo hạn là 2.000.000đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng cả gốc và lãi, trả lãi 5000đ/01 triệu/01 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/ năm). Quá trình vay đã đáo hạn được 11 lần. Lần đáo hạn cuối vào ngày 11/11/2023, tiếp tục trả tiền gốc và lãi đến ngày 15/12/2022 được 35 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 21.750.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 2.383.562đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 19.366.438 đồng.

11. Khoảng đầu các tháng 9, 10, 11 năm 2023, anh Vũ Mạnh C2 (sinh năm 1997, trú tại: Tổ B, khu P, phường Y, TP .) đã 03 lần vay tiền, mỗi lần vay 5.000.000, đồng trong thời hạn 30 ngày, tổng tiền lãi mỗi lần vay là 1.000.000đồng, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng, trả lãi 6.667đ/01 triệu/01 ngày, (tương đương lãi suất 243,3%/ năm). Hai lần đầu đã trả hết tiền trong 30 ngày, lần vay cuối đã trả gốc và lãi đến ngày 15/12/2023 được 25 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.833.333 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 232.877đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.600.456 đồng.

12. Khoảng ngày 07/12/2022, anh Lê Mạnh L1 (Sinh năm 1983, trú tại: Tổ C, khu N, phường N, TP U) vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn 50 ngày, tổng tiền lãi mỗi lần vay là 5.000.000đồng, mỗi ngày trả 500.000 đồng cả gốc và lãi, trả lãi 5000đ/01 triệu/01 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/ năm). Quá trình vay đã đáo hạn được 11 lần, lần đáo hạn cuối ngày 07/12/2023 đã đóng đến 16/12/2023 được 09 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 55.900.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 6.126.027đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 49.773.973 đồng.

13. Khoảng từ ngày 23/12/2022, anh Hoàng Minh Q1 (sinh năm 1984, trú tại: Tổ E, khu C, phường N, TP U) vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn 40 ngày, tổng tiền lãi mỗi lần vay là 3.000.000đồng, mỗi ngày trả 450.000 đồng cả gốc và lãi, trả lãi 5000đ/01 triệu/01 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/ năm). Quá trình vay đã đáo hạn được 11 lần, lần đáo hạn cuối ngày 23/11/2023 đã đóng đến 13/12/2023 được 20 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 34.500.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 3.780.822đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 30.719.178 đồng.

Bản cáo trạng số 658/CT-VKSQN-P2 ngày 11/04/2024 của Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn N và Hoàng Mạnh C, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng mô tả và VKS truy tố các bị cáo tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là đúng không oan. Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra là khách quan, chính xác. Bị cáo T đồng ý trả lại chị Ngô Thị Quỳnh T2 40.246.575 đồng, chị Nguyễn Thị Kim C1 14.246.575 đồng; anh Vũ Mạnh C2 2.600.456 đồng.

Quan điểm của Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Quảng Ninh: tại phiên tòa bị cáo thừa nhận bị Viện kiểm sát truy tố về tội là đúng, lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với kết quả điều tra. Nên về tội danh Viện kiểm sát giữ nguyên như bản cáo trạng đã truy tố. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 08 đến 09 tháng tù, Nguyễn Văn N từ 07 đến 08 tháng tù và Hoàng Mạnh C từ 06 đến 07 tháng tù, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” bị cáo T phải nộp lại số tiền gốc 234.000.000 đồng, là tiền dùng vào việc phạm tội, số tiền lãi theo quy định 40.111.244 đồng. Bị cáo T phải trả lại chị Ngô Thị Quỳnh T2 40.246.575 đồng, chị Nguyễn Thị Kim C1 14.246.575 đồng; anh Vũ Mạnh C2 2.600.456 đồng.

Các bị cáo không tranh luận với Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Một số người liên quan đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án, nhưng không đến tham gia phiên tòa. Xét thấy họ đã được trình bày ý kiến trong quá trình điều tra, việc vắng mặt không ảnh hưởng việc xét xử. Căn cứ điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự. Tòa án xét xử vắng mặt một số người liên quan.

[2] Về tội danh : căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra vì lời khai của bị cáo này là chứng cứ chứng minh hành vi của bị cáo kia, lời khai người liên quan, kết quả xác minh, vật chứng thu giữ, kết quả nhận dạng, dữ liệu điện tử, sao kê tài khoản ngân hàng và một số chứng cứ khác. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận. Theo quy định của khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự thì trong hợp đồng vay tài sản lãi xuất vay do các bên thỏa thuận, trường hợp có thỏa thuận lãi xuất thì lãi xuất theo thỏa thuận không vượt quá 20% năm của khoản tiền vay. Tuy nhiên trong khoảng thời gian từ khoảng tháng 12/2022 đến ngày 17/12/2023, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn N và Hoàng Mạnh C đã sử dụng 234.000.000 đồng để cho 13 người vay(với 22 khoản vay) mức lãi xuất T cho vay đều từ 182,5%/năm đến 243,3%/năm. Tức là vượt quá 5 lần mức lãi xuất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi là 367.723.333 đồng, trong đó lãi suất vượt quá 20%/năm theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự (*tiền thu lợi bất chính*) là 327.612.089 đồng. Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự

quản lý của nhà nước về việc cho vay trong giao dịch dân sự. Đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” đúng như truy tố của Viện kiểm sát.

Xét vai trò các bị cáo: bị cáo Nguyễn Thanh T là người trực tiếp bỏ tiền vốn ra cho vay, thuê nhà làm địa điểm cho vay, thuê người làm nên giữ vai trò đầu.

Bị cáo Nguyễn Văn N và Hoàng Mạnh C là người làm thuê cho T, tham gia với vai trò giúp sức. Tuy nhiên bị cáo N tham gia thời gian dài hơn, số tiền thu lời bất chính là 327.612.089 đồng. Còn bị cáo C tham gia từ tháng 3/2023 đến ngày 17/12/2023 (*tiền thu lợi bất chính*) là 266.201.130 đồng.

[3] Tình tiết tăng nặng: không có.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Cả 03 bị cáo đều đầu thú và thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội ít nghiêm trọng. Gây thiệt hại không lớn, Riêng đối với bị cáo Hoàng Mạnh C phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[6] Về tiền cho vay, tiền lãi: đối với số tiền gốc 234.000.000 đồng, là tiền dùng vào việc phạm tội, số tiền lãi theo quy định 40.111.244 đồng, là tiền phát sinh từ tội phạm nên căn cứ điều 47 BLHS bị cáo phải nộp lại để sung ngân sách nhà nước. Đối với số tiền lãi suất vượt quá 20%/năm (327.612.089 đồng) theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự, đây là tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay, nên căn cứ điều 48 BLHS được trả lại cho người vay khi có yêu cầu.

Trong vụ án này, quá trình điều tra chị Ngô Thị Quỳnh T2 đòi lại 40.246.575 đồng, chị Nguyễn Thị Kim C1 đòi lại 14.246.575 đồng; anh Vũ Mạnh C2 yêu cầu đòi lại 2.600.456 đồng, (đòi số tiền lãi vượt quá quy định) tại phiên tòa bị cáo T đồng ý trả lại như yêu cầu của những người này, nên Tòa án xẽ buộc bị cáo T trả lại.

Còn một số người không có yêu cầu đòi lại và tại phiên tòa hôm nay họ vắng mặt, vì vậy căn cứ điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự. Tòa án tách yêu cầu đòi lại tiền lãi ra để xét xử sau theo pháp luật, nếu những người này có yêu cầu.

[5] Về vật chứng: quá trình điều tra có thu giữ 03 (ba) xe mô tô gồm: 01 xe Honda, gắn biển kiểm soát 15B3-076.16 (kết quả xác minh chủ sở hữu là của Nguyễn Thanh T); 01 xe Honda, gắn BKS: 14B1-381.98 (kết quả xác minh chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 2001, trú tại: Thôn A, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng). Anh Đ1 gửi xe cho Nguyễn Thanh T, nhờ T tìm người cho thuê; Xe Honda, gắn BKS: 15B4-122.45, chủ sở hữu là của Nguyễn Văn N và 06 điện thoại đã qua sử dụng.

Đối với các điện thoại các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên bị tịch thu.

Các xe mô tô không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại bị cáo.

[6] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo T còn phải nộp án phí dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn N và Hoàng Mạnh C đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Căn cứ: khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1; 2 điều 51, điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T **08 (tám)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N **07 (bảy)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2023.

Căn cứ: khoản 2 Điều 201; điểm s; i khoản 1; 2 điều 51, điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Mạnh C **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2023.

Về vật chứng: căn cứ điều 47 Bộ luật Hình sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 06 điện thoại di động.

Tịch thu tiêu hủy các sim điện thoại di động

Trả lại anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 2001, trú tại: Thôn A, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu sơn xám, biển kiểm soát 14B1-381.98 + 01 chìa khóa.

Trả lại bị cáo Nguyễn Thanh T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu sơn bạc, gắn biển kiểm soát 15B3-076.16 + 01 chìa khóa.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn N 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AIR BLADE, màu xanh, gắn biển kiểm soát 15B4-122.45 + 01 chìa khóa.

(Tình trạng vật chứng, như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng số 72 ngày 14/4/2024 giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh với Công an tỉnh Q).

Căn cứ điều 47 và điều 48 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T trả lại người liên quan là chị Ngô Thị Quỳnh T2 40.246.575đ (Bốn mươi triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng); chị Nguyễn Thị Kim C1 14.246.575đ (Mười bốn triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng); anh Vũ Mạnh C2 2.600.456đ (Hai triệu, sáu trăm nghìn, bốn trăm năm mươi sáu đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp lại 234.000.000đ (Hai trăm ba mươi bốn triệu đồng) tiền dùng cho vay và 40.111.244đ (Bốn mươi triệu, một trăm mười một nghìn, hai trăm bốn mươi bốn đồng) tiền lãi để sung ngân sách Nhà nước.

Về án phí: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí:

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo T phải nộp 2.854.000đ (Hai triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự.

Báo cho bị cáo, người liên quan biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TTG Công an tỉnh Quảng Ninh;
- CQCSĐT Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo; NCQLNVLQ;
- Cơ quan Thi hành án dân sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Cường

